

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2024

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Quốc Quý, bà Nguyễn Thị Khánh.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà: Bà An Thị Hà T  
- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Bùi Thị B** - sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A C, Khu I, A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **Trần Văn Y** - sinh năm 1985

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

*Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Y vắng mặt không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị B trình bày:** Chị và anh Trần Văn Y tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 12/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà chồng. Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Năm 2023 mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn, anh Y đã đánh đập chửi đươi chị đi, mẹ chồng cũng yêu cầu chị ly hôn anh Y. Vì các con để con có bố, có mẹ nên chị cố chịu đựng, vợ chồng vẫn chung sống một nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung, việc ai người đó làm. Mâu thuẫn căng thẳng nhất tháng từ tháng 4/2024 chị đã đưa con về nhà để ở. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 4/2024 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Y không còn, không thể hàn gắn được, mâu thuẫn đã trầm

trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh Y.

Về con chung: Chị và anh Y có 02 con chung là cháu Trần Đức P, sinh ngày 18/03/2016 và cháu Trần Hà P1, sinh ngày 08/10/2019. Cháu P1 đang ở với bố, cháu P đang ở với mẹ. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị nuôi dưỡng cháu P, giao cho anh Y nuôi dưỡng cháu P1, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị đang làm công ty, thu nhập từ 09 đến 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện cho việc nuôi dưỡng cháu P. Chị đang ở cùng với bố mẹ, điều kiện về nơi ở tại nhà ngoại cũng thuận tiện, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị mọi mặt để nuôi con. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình làm việc với Tòa án, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Trần Văn Y trình bày:*** Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị B. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị B đi xem bói toán, cúng khấn và khi anh đi xây về chị B được nghỉ công ty ở nhà nhưng không nấu cơm cho anh ăn, nhiều lần như vậy dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, chị B còn kiếm chuyện với anh. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 4/2024 chị B đã đưa con về nhà để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Sau khi chị B bỏ đi anh có đến tìm chị B 02 lần nhưng không gặp, anh có nhắn tin, điện thoại nhưng chị B không nghe, sau đó anh không tìm nữa, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024. Chị B xin ly hôn anh không đồng ý vì anh xác định tình cảm giữa anh và chị B vẫn còn, anh mong muốn chị B suy nghĩ lại và rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị B cô tình xin ly hôn thì anh đành phải chịu.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung cháu Trần Đức P, sinh ngày 18/03/2016 và cháu Trần Hà P1, sinh ngày 08/10/2019. Cháu P đang ở với mẹ, cháu P1 đang ở với bố. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi dưỡng cháu P1, giao cho chị B nuôi dưỡng cháu P, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh là lao động tự do, công việc thợ xây thu nhập từ 09 đến 10 triệu đồng/tháng, anh đang ở cùng với mẹ, nhà đất rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, mẹ anh vẫn khỏe mạnh sẽ hỗ trợ cho anh việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con anh khi anh đi làm. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của người thân gia đình bà Nguyễn Thị T1 xác định: Bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị Bích. Quá trình chung sống, chị B, anh Y đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tháng 4/2024 chị B đưa các con về chung sống cùng với ông bà và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Chị B xin ly hôn anh Y, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị B. Anh Y, chị B 02 con chung cháu Trần Đức P, sinh ngày 18/03/2016 và cháu Trần Hà P1, sinh ngày 08/10/2019, cháu P1 hiện đang ở với bố, cháu P hiện đang ở với mẹ. Đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của chị B, anh Y. Trường hợp Tòa án giao cho chị B nuôi con, ông bà sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị B chỗ ăn ở và chăm sóc con chị B khi chị B đi làm. Quá trình chung sống anh Y, chị B không có công sức đóng góp với ông bà.

Lời khai của bà Vũ Thị B1 xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Trần Văn Y. Trong thời gian chung sống anh Y, chị B có mâu thuẫn cãi vã nhau, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 4/2024 chị B đã bỏ nhà về nhà đẻ ở và không quay lại chung sống với anh Y nữa, vợ chồng sống ly thân đến nay. Chị B xin ly hôn anh Y, bà mong muốn Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Anh Y, chị B có 02 con chung, cháu P1 đang ở với bố, cháu P đang ở với mẹ. Việc giải quyết nuôi dưỡng con chung do anh Y, chị B quyết định. Quá trình chung sống anh Y, chị B không có công sức đóng góp với bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã T ý kiến như sau: Anh Y, chị B có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T ngày 12/12/2013. Trong thời gian chung sống anh Y, chị B có xảy ra mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn giữa anh Y, chị B cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay, chị B xin ly hôn anh Y, đề nghị Toà án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau thì đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

*Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Trần Văn Y.

*Về con chung:* Chấp nhận sự thoả thuận của chị B, anh Y về việc giao cháu Trần Đức P, sinh ngày 18/03/2016 cho chị Bùi Thị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu cháu Trần Hà P1, sinh ngày 08/10/2019 cho anh Trần Văn Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Y, chị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị B, anh Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Chị Bùi Thị B và anh Trần Văn Y, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Bùi Thị B có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn Y là bị đơn; Nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị B nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân

dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Y vắng mặt không có lý do, chị B có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bùi Thị B và Trần Văn Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 12/12/2013. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị B phù hợp với lời khai của anh Y và lời trình bày của người thân hai bên gia đình, nên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị B, anh Y có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2024, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị B xác định tình cảm giữa chị và anh Y không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh Y. Anh Y xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn. Anh Y mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên và các đoàn thể của thôn xã hoà giải. Nhận thấy hôn nhân giữa chị B và anh Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị B, do vậy xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Trần Văn Y là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị B, anh Y có 02 con chung cháu Trần Đức P, sinh ngày 18/03/2016 và cháu Trần Hà P1, sinh ngày 08/10/2019. Ly hôn chị B, anh Y thoả thuận, đề nghị Tòa án giao cho chị B nuôi dưỡng cháu P, giao cho anh Y nuôi dưỡng cháu P1, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Xét nguyện vọng của chị B, anh Y thấy rằng: Chị B làm công ty, anh Y là lao động tự do đều có thu nhập từ 09 đến 10.000.000 đồng /tháng, như vậy chị B, anh Y đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, các cháu đang sống ổn định chỗ ở, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do vậy chấp nhận sự thoả thuận của chị B, anh Y, giao cháu Trần Đức P cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Hà P1 cho anh Y tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Bùi Thị B và anh Trần Văn Y, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Bùi Thị B khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí, lệ phí, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị B được ly hôn anh Trần Văn Y.

2. *Về con chung*: Xử giao cháu Trần Đức P, sinh ngày 18/03/2016 cho chị Bùi Thị B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Trần Hà P1, sinh ngày 08/10/2019 cho anh Trần Văn Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Anh Y, chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Bùi Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số: 0001727 ngày 16/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị B đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện;  
(đề ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đào Quang Khuyến***